

Số: **4959**QĐ-ĐHM

Hà Nội, ngày **04** tháng **11** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí học kỳ I
năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh sách các Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 4899/2024/NQ-ĐHM-HĐT ngày 01/11/2024 của Hội đồng Trường trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-ĐHM ngày 06/6/2022 của Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 04/11/2024 của Hội đồng xét duyệt hồ sơ sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 260 sinh viên tại các Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường (có danh sách kèm theo) được hưởng miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Điều 2. Các sinh viên được nhận tiền miễn, giảm học phí trực tiếp từ Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Trưởng Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường và các sinh viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. CTCT&SV.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Thị Nhung

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết Định số...../QĐ - ĐHM ngày tháng năm 2024)

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
1	1	Trần Ngọc Lâm	20A60010027	01/22/02	K28ĐH	TDCN	2020 - 2025	Con thương binh	100%	
2	2	Mông Nhật Lệ	20A60010164	01/23/02	K28ĐH	TDCN	2020 - 2025	Dân tộc thiểu số hộ cận nghèo	100%	
3	3	Đinh Bằng Tú	20A15010010	05/06/02	K28KT	TDCN	2020-2025	Dân tộc thiểu số hộ cận nghèo	100%	
4	4	Nguyễn Thái Sơn	24A6301D0162	18/09/2006	K32ĐH	TDCN	2024 - 2029	Người khuyết tật	100%	
5	5	Phạm Nhật Minh	20A60010182	06/25/02	K28TT	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
6	6	Hoàng Đức Duy	20A60010176	10/14/02	K28NT	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
7	7	Quảng Văn Sơn	20A60010163	10/25/02	K28ĐH 2	TDCN	2020 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
8	8	Vũ Ngọc Trâm	23A1501D0024	09/08/2005	K31Ktr	TDCN	2023-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
9	9	Phạm Quỳnh Chi	20A60010049	07/31/02	K28ĐH 1	TDCN	2020 - 2025	Con Cán bộ bị TNLĐ	50%	
10	10	Phạm Ngọc Huyền	21A600100103	08/29/23	K29ĐH 1	TDCN	2021 - 2026	Con Cán bộ bị TNLĐ	50%	
11	1	Hồ Thị Tâm	21A420100275	27/09/2003	K30QT1	Kinh tế	2021 - 2025	Con thương binh	100%	
12	2	Nguyễn Phương Anh	22A4201D0015	17/07/2004	K31QT2	Kinh tế	2022- 2026	Con thương binh	100%	
13	3	Trương Thị Trà	23A4201D0294	27/06/2005	K32QT1	Kinh tế	2023 - 2027	Con Thương binh	100%	
14	4	Nguyễn Quang Tùng	24A4701D0106	18/03/2006	K33TM1	Kinh tế	2024 - 2028	Con bệnh binh	100%	Hồ sơ mới
15	5	Vũ Thị Trang	24A4701D0103	05/08/2006	K33TM2	Kinh tế	2024 - 2028	Con thương binh	100%	Hồ sơ mới
16	6	Nguyễn Phương Hồng	21A420100128	12/11/2003	K30QT1	Kinh tế	2021 - 2025	Người khuyết tật	100%	
17	7	Vương Gia Duy	23A4101D0054	06/09/2005	K32KT1	Kinh tế	2023 - 2027	Người khuyết tật	100%	Hồ sơ mới
18	8	Tăng Thị Yến Nhi	23A4201D0210	03/03/2005	K32QT4	Kinh tế	2023 - 2027	Mồ côi cha mẹ	100%	Hồ sơ mới
19	9	Lưu Thanh Tâm	22A4101D0227	22/11/2004	K31KT3	Kinh tế	2022 - 2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
20	10	Bùi Ngọc Ánh	22A4201D0025	04/03/2004	K31QT1	Kinh tế	2022 - 2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
21	11	Bàn Tiến Hiếu	22A4201D0094	16/05/2004	K31QT1	Kinh tế	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
22	12	Trần Thị Thanh Diệu	22A4201D0047	01/09/2003	K31QT2	Kinh tế	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
23	13	Bùi Thị Mai Phương	22A4701D0093	11/10/2004	K31TM 02	Kinh tế	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
24	14	Vang Thị Ngọc Mai	23A4201D0170	08/04/2005	K32QT2	Kinh tế	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
25	15	Triệu Thanh Hải	23A4701D0022	28/06/2005	K32TM1	Kinh tế	2023-2027	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
26	16	Ma Tiến Dũng	24A4201D0074	05/08/2006	K33QT4	Kinh tế	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
27	17	Sín Thị Ánh Ngọc	21A410100230	02/12/2003	K30KT4	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
28	18	Hoàng Thị Mai Hương	21A420100151	31/10/2003	K30QT1	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
29	19	Đặng Ánh Ngân	21A420100214	15/06/2003	K30QT1	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
30	20	Lù Thị Hằng	21A420100365	05/07/2003	K30QT2	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
31	21	Lê Thị Thúy Hiền	21A470100042	30/06/2003	K30TM 02	Kinh tế	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
32	22	Hoàng Kim Huệ	22A4101D0104	26/03/2004	K31KT1	Kinh tế	2022 - 2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
33	23	Nguyễn Thùy Dương	22A4201D0068	03/07/2004	K31QT4	Kinh tế	2022 - 2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
34	24	Hoàng Thị Thu Thùy	22A4201D0281	25/06/2004	K31QT4	Kinh tế	2022 - 2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
35	25	Lưu Thị Ngọc Mai	23A4101D0162	23/03/2005	K32 KT1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
36	26	Phản Thị Đánh	23A4101D0042	01/12/2005	K32 KT3	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
37	27	Hà Thị Khánh Ly	23A4201D0158	29/07/2005	K32QT1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
38	28	Đinh Nguyễn Chí Dũng	23A4701D0018	30/08/2005	K32TM1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
39	29	Hùng Thị Huyền Thương	23A4701D0087	14/10/2005	K32TM1	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
40	30	Lý Hồ Sun	23A4701D0080	01/02/2005	K32TM2	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
41	31	Lộc Văn Kiên	23A4101D0119	20/08/2005	K32KT2	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt	70%	
42	32	Bùi Thị Thúy Đào	24A4101D0046	05/09/2006	K33KT1	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
43	33	Lương Thị Thùy Trang	24A4201D0299	04/10/2006	K33QT1	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
44	34	Ngô Như Bảo	24A4201D0044	06/03/2006	K33QT3	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
45	35	Ma Bá Cường	24A4701D0016	03/04/2006	K33TM2	Kinh tế	2024 - 2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
46	36	Hoàng Đức Khánh	23A4201D0119	19/01/2005	K32QT2	Kinh tế	2023 - 2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
47	37	Tạ Thị Kiều Trang	23A4201D0310	23/09/2005	K32QT4	Kinh tế	2023 - 2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
48	38	Phan Anh Thư	21A420100303	06/12/2003	K30QT2	Kinh tế	2021 - 2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
49	39	Cao Thị Kiều Oanh	23A4701D0065	03/02/2005	K32TM2	Kinh tế	2023 - 2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
50	41	Phạm Thị Lan Hương	21A470100063	05/09/2002	K30TMĐT02	Kinh tế	2021-2025	Con người bị TNLĐ	50%	
51	40	Bùi Thị Xuân Hào	23A4201D0080	11/02/2005	K32QT3	Kinh tế	2023 - 2027	Con của người mắc bệnh nghề nghiệp	50%	Hồ sơ mới
52	42	Mai Thị Phương	24A4201D0225	09/08/2006	K33QT3	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
53	43	Nguyễn Ngọc Hải	24A4201D0100	02/09/2004	K33QT2	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
54	44	Nguyễn Ngọc Trinh	24A4201D0308	26/08/2006	K33QT2	Kinh tế	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
55	1	Nguyễn Danh Việt	21A450100404	10/02/2003	K14-2145A03	TCNH	2021-2025	Con thương binh	100%	
56	2	Nguyễn Chiến Công	22A4501D0054	14/08/2004	K15-2245A112	TCNH	2022-2026	Con thương binh	100%	
57	3	Lê Thị Minh Hằng	23A4501D0109	22/09/2005	K16-2345A014	TCNH	2023-2027	Con thương binh	100%	
58	4	Đỗ Thị Phương Thảo	23A4501D0326	10/08/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	Con người HDKC bị nhiễm chất độc hóa học	100%	
59	5	Lò Sơn Quỳnh	23A4501D0303	27/2/2005	K16-2345A015	TCNH	2023-2027	Người khuyết tật	100%	
60	6	Nguyễn Thị Thanh Hậu	23A4501D0117	25/11/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	Mồ côi cha mẹ	100%	
61	7	Đặng Thị Hương Lan	24A4501D0202	02/07/2006	K17-2445A013	TCNH	2024-2028	DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo	100%	Hồ sơ mới
62	8	Lương Thanh Chúc	22A4501D0053	02/02/2024	K15-2245A011	TCNH	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
63	9	Triệu Thị Nguyệt	22A4501D0258	12/08/2004	K15-2245A014	TCNH	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
64	10	Bùi Thị Thích	23A4501D0336	24/09/2005	K16-2345A011	TCNH	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
65	11	Lý Mạnh Hùng	24A4501D0164	18/10/2005	K17-2445A014	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
66	12	Lục Ngọc Anh	24A4501D0017	04/10/2005	K17-2445A014	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
67	13	Vũ Ngọc Thoa	24A4501D0388	12/11/2006	K17-2445A015	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
68	14	Bùi Chí Khiêm	24A4501D0196	05/03/2006	K17-2445A016	TCNH	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
69	15	Ngô Thùy Dương	23A4501D0086	02/11/2005	K16-2345A014	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
70	16	Đỗ Duy Thái	23A4501D0319	29/12/2005	K16-2345A012	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
71	17	Lê Quỳnh Trang	23A4501D0363	18/09/2005	K16- 2345A011	TCNH	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
72	18	Nguyễn Duy Đăng	24A4501D0077	05/03/2006	K17-2445A015	TCNH	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
73	1	Nguyễn Đức Phúc	21A500100159	20/12/2003	2150A02	Luật	2021-2025	Con thương binh	100%	
74	2	Nguyễn Khánh Linh	21A510100125	17/02/2003	2151A02	Luật	2021-2025	Con thương binh	100%	
75	3	Nguyễn Diệu Thương	23A5001D0281	16/02/2005	2350A02	Luật	2023-2027	Con thương binh	100%	
76	4	Nguyễn Đức Anh	23A5101D0013	21/07/2005	2351A02	Luật	2023-2027	Con bệnh binh	100%	
77	5	Đỗ Minh Hiếu	23A5101D0089	06/09/2005	2351A01	Luật	2023-2027	Con bệnh binh	100%	
78	6	Trần Thị Duyên	24A5101D0068	08/03/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	Hồ sơ mới
79	7	Vũ Lê Ngọc Linh	24A5101D0159	23/12/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	Hồ sơ mới
80	8	Nguyễn Phương Thảo	24A5201D0131	11/03/2006	2452A01	Luật	2024-2028	Con thương binh	100%	Hồ sơ mới
81	9	Đào Thị Thanh Thu	24A5201D0140	15/10/2006	2452A01	Luật	2024-2028	Con bệnh binh	100%	Hồ sơ mới
82	10	Lê Thị Hà Vy	24A5101D0318	25/04/2006	2451A02	Luật	2024-2028	Con bệnh binh	100%	Hồ sơ mới
83	11	Vũ Thị Cẩm Ly	23A5001D0195	20/09/2005	2350A02	Luật	2023-2027	Con người nhiễm chất độ hóa học	100%	Hồ sơ mới
84	12	Nguyễn Việt Huy	20A50010030	04/04/2002	2050A02	Luật	2020-2024	Người khuyết tật	100%	
85	13	Trần Hà Phương Nhi	21A520100057	18/08/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Mồ côi cả cha mẹ	100%	
86	14	Tạ Thị Phương Giang	22A5001D0070	17/06/2005	2250A02	Luật	2022-2026	Mồ côi cả cha mẹ	100%	
87	15	Triệu Thụy Trinh	24A5101D0299	25/10/2006	2451A01	Luật	2024-2028	Mồ côi cả cha mẹ	100%	Hồ sơ mới
88	16	Nguyễn Văn Châu	22A5101D0029	30/06/2004	2250A01	Luật	2022-2026	Mồ côi mẹ, không có cha	100%	
89	17	Sì Sì Hà	19A51010252	01/03/2001	1951A01	Luật	2019-2023	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
90	18	Lý Đào Uyên	20A50010248	08/10/2000	2050A01	Luật	2020-2024	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
91	19	Lưu Bảo Ngọc	21A520100120	15/10/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
92	20	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	23A5201D0136	24/07/2005	2352A01	Luật	2023-2027	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
93	21	Hứa Thị Thùy Trang	24A5001D0317	23/06/2004	2450A01	Luật	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
94	22	Lý Thị Như Nguyệt	24A5101D0211	25/06/2006	2451A01	Luật	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
95	23	Ngọc Thị Kim Yến	24A5101D0325	16/01/2006	2451A03	Luật	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
96	24	Hà Thị Ngân	24A5101D0191	26/07/2004	2451A02	Luật	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
97	25	Hà Ngọc Chinh	20A51010237	20/08/2001	2051A01	Luật	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
98	26	Đường Thị Ngoan	21A520100053	28/06/2003	2152A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
99	27	Nông Ngọc Diệp	21A500100043	08/05/2003	2150A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
100	28	Lý Thị Ngọc Thúy	21A500100305	04/04/2003	2150A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
101	29	Vương Lê Phương Thảo	21A510100314	14/12/2003	2151A02	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
102	30	Bế Hương Ly	21A520100116	11/05/2003	2152A01	Luật	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
103	31	Lò Văn Hưng	22A5001D0109	15/05/2002	2250A02	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
104	32	Lò Thị Huyền Trang	22A5001D0256	03/09/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
105	33	Vừ Thị My	22A5001D0170	28/08/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
106	34	Phạm Anh Thư	22A5001D0242	09/07/2004	2250A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
107	35	Bùi Thị Hiền	22A5001D0087	14/11/2004	2250A02	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
108	36	Mã Bảo Uyên	22A5101D0278	19/04/2003	2251A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
109	37	Hoàng Thị Anh Thư	22A5101D0242	04/10/2002	2251A01	Luật	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
110	38	Đinh Dương Quang Minh	23A5001D0201	17/06/2005	2350A02	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
111	39	Lê Thị Như Quỳnh	23A5101D0216	11/12/2005	2351A02	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
112	40	Lê Thị Thảo Huyền	23A5201D0063	11/06/2004	2352A01	Luật	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
113	41	Hoàng Huy Tập	20A51010204	04/07/2002	2051A02	Luật	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
114	42	Triệu Thị Hương	24A5101D0115	11/05/2006	2451A03	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
115	43	Chào Cờ Mây	24A5101D0178	26/06/2006	2451A01	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
116	44	Lường Việt Hưng	24A5001D0135	22/06/2006	2450A02	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
117	45	Vi Thị Chi	24A5001D0062	06/09/2006	2450A02	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
118	46	Trần Ngọc Kim Thoa	24A5201D0137	20/10/2006	2452A01	Luật	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
119	47	Lê Thị Phương Linh	21A510100284	16/08/2003	2151A01	Luật	2021-2025	Con người bị bệnh nghề nghiệp	50%	
120	48	Vũ Thu Hiền	21A510100086	14/09/2003	2151A01	Luật	2021-2025	Con người bị bệnh nghề nghiệp	50%	
121	49	Nguyễn Đỗ Mai Chi	21A520100013	18/05/2003	2152A01	Luật	2021-2025	Con người bị bệnh nghề nghiệp	50%	
122	50	Nguyễn Thanh Vân	24A5101D0312	08/02/2006	2451A03	Luật	2024-2028	Con người bị bệnh nghề nghiệp	50%	Hồ sơ mới
123	51	Nguyễn Thị Hà Phương	21A500100164	31/07/2003	2150A01	Luật	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
124	52	Vũ Phương Thảo	22A5001D0239	21/10/2004	2250A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
125	53	Đậu Diệu Quyên	22A5001D0208	01/06/2004	2250A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
126	54	Nguyễn Minh Ngọc	22A5101D0177	22/01/2004	2251A01	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
127	55	Dương Đặng Linh Trang	22A5001D0252	26/05/2003	2250A02	Luật	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	
128	56	Nguyễn Thị Trang Nhung	22A5101D0188	29/05/2003	2251A02	Luật	2022-2026	Con người bị tai nạn lao động	50%	
129	1	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22A3201D0069	29/02/2004	2232A01	CNSH&CNTP	2022-2027	Người khuyết tật	100%	
130	2	Lãnh Ngọc Hoa	22A3101D0029	31/01/2004	2231A01	CNSH&CNTP	2022-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
131	3	Phạm Thị Thanh Hoa	22A3201D0037	02/05/2004	2232A01	CNSH&CNTP	2022-2027	trong thời gian chấp hành án phạt tù	100%	
132	4	Triệu Thị Minh Anh	21A310100083	28/08/2002	2131A01	CNSH&CNTP	2021 - 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
133	5	Nguyễn Thiết Hưng	21A310100103	03/11/2003	2131A01	CNSH&CNTP	2021 - 2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
134	6	Lê Nguyễn Thu Phương	21A310100128	20/07/2003	2131A01	CNSH&CNTP	2021 - 2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
135	1	Nguyễn Thanh Huyền	19A10010149	01/01/01	1910A01	CNTT	2019-2023	Con thương binh	100%	
136	2	Lê Thành Trung	20A10010009	04/12/02	2010A03	CNTT	2020-2024	Con thương binh	100%	
137	3	Đinh Nhật Thành	20A10010332	26/12/2002	2010A03	CNTT	2020-2024	Con thương binh	100%	
138	4	Bùi Văn Phúc	22A1001D0251	06/12/2004	2210A04	CNTT	2022-2026	Con thương binh	100%	
139	5	Bùi Hải Dương	22A1001D0083	26/02/2004	2210A01	CNTT	2022-2026	Con liệt sỹ	100%	
140	6	Lê Nhự Trung	24A1001D0412	18/03/2006	2410A04	CNTT	2024-2028	Con thương binh	100%	Mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
141	7	Đào Xuân Tuấn	24A1001D0420	38824	2410A06	CNTT	2024-2028	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	100%	Mới
142	8	Lê Trọng Thắng	20A10010252	17/06/2002	2010A02	CNTT	2020-2024	Người khuyết tật	100%	
143	9	Nguyễn Thùy Trang	20A10010092	04/11/2001	2010A04	CNTT	2020-2024	Người khuyết tật	100%	
144	10	Nguyễn Duy Anh	22A1001D0012	20/09/2004	2210A03	CNTT	2022-2026	Người khuyết tật	100%	
145	11	Nguyễn Ngọc Duy	23A1001D0105	17/10/2005	2310A03	CNTT	2023-2027	Người khuyết tật	100%	Mới
146	12	Nguyễn Đức Phong	24A1001D0322	39061	2410A06	CNTT	2024-2028	Người khuyết tật	100%	Mới
147	13	Bùi Khánh Linh	19A10010151	24/09/2001	1910A03	CNTT	2019-2023	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
148	14	Đặng Minh Cường	20A10010378	03/02/2002	2010A01	CNTT	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
149	15	Bùi Thị Hoài Thu	20A10010390	20/05/2002	2010A01	CNTT	2020-2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
150	16	Ngô Anh Tuấn	21A100100413	11/07/2003	2110A01	CNTT	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
151	17	Ma Thị Sú	22A1001D0290	11/11/2004	2210A01	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
152	18	Hà Thị Thu Nhất	22A1001D0238	22/08/2004	2210A01	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
153	19	Đặng Thị Minh Thư	22A1001D0309	19/07/2004	2210A03	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Mới
154	20	Nguyễn Minh Quân	22A1001D0271	22/12/2004	2210A05	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
155	21	Dương Xuân Quý	22A1001D0281	17/08/2004	2210A05	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
156	22	Hoàng Tuấn Khanh	22A1001D0167	15/10/2004	2210A06	CNTT	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
157	23	Vũ Đức Đạt	22A1001D0064	22/06/2004	2210A06	CNTT	2022-2026	Mồ côi cả cha và mẹ	100%	
158	24	Hà Văn Thắng	23A1001D0332	03/03/2005	2310A04	CNTT	2023-2027	Dân tộc thiểu số hộ cận nghèo	100%	Mới
159	25	Nông Văn Hiệp	21A100100127	06/08/2003	2110A05	CNTT	2021-2025	Dân tộc thiểu số hộ nghèo	100%	
160	26	Hoàng Duy Khánh	20A10010269	25/10/2002	2010A02	CNTT	2020-2024	Con người bị mắc bệnh NN	50%	
161	27	Trần Văn Dũng	23A1001D0092	14/12/2005	2310A02	CNTT	2023-2027	Con người bị mắc bệnh NN	50%	
162	28	Đỗ Đăng Nguyên	21A100100271	27/01/2003	2110A01	CNTT	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
163	29	Phan Hữu Quân	21A100100308	16/05/2003	2110A03	CNTT	2021-2025	Con của người bị TNLĐ	50%	
164	30	Nguyễn Huy Hoàng	23A1001D0155	22/10/2005	2310A04	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
165	31	Phạm Đức Nam	23A1001D0263	10/08/2005	2310A06	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
166	32	Cù Ngọc Anh	23A1001D0421	04/05/2005	2310A06	CNTT	2023-2027	Con của người bị TNLĐ	50%	
167	33	Lê Thanh thảo	24A1001D0380	02/08/2006	2410A04	CNTT	2024-2028	Con của người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
168	1	Phạm Việt Hoàng	20A12010128	11/05/2002	K23-B	Điện-Điện tử	2020-2024	Con liệt sĩ	100%	
169	2	Kiều Đức Thắng	21A170100244	07/12/2003	K24-TĐH1	Điện-Điện tử	2021-2025	Con bệnh binh	100%	
170	3	Đinh Trọng Toàn	21A170100258	14/12/2003	K24-TĐH3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con thương binh	100%	
171	4	Trần Đức Trung	22A1201D0230	19/06/2004	K25-ĐT2	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
172	5	Phạm Tiến Sang	22A1701D0198	28/08/2004	K25-TĐH1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
173	6	Nguyễn Duy Tiên	22A1201D0217	19/11/2004	K25-ĐT3	Điện-Điện tử	2022-2027	Con thương binh	100%	
174	7	Ngô Khải Hoàn	24A1701D0108	10/08/2006	K27-TĐH2	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con như thương binh	100%	Hồ sơ mới
175	8	Đinh Mạnh Tuấn	24A1701D0255	30/08/2006	K27-TĐH3	Điện-Điện tử	2024 - 2029	DTTS thuộc hộ Cận nghèo	100%	Hồ sơ mới
176	9	Lý Hoàng Hiệp	21A120100108	24/03/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
177	10	Hoàng Quốc Tấn	23A1701D0195	26/06/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
178	11	Hà Đình Thương	23A1701D0214	15/02/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
179	12	Hoàng Trung Kiên	24A1201D0159	16/01/2006	K27-ĐT3	Điện-Điện tử	2024-2029	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
180	13	Nguyễn Tôn Trường	20A12010193	14/01/2002	K23-B	Điện-Điện tử	2020-2024	Con người mắc bệnh NN	50%	
181	14	Trần Ngọc Đạt	21A170100062	20/10/2003	K24-TĐH3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con người bị TNLĐ	50%	
182	15	Phùng Hữu Đại	21A120100066	28/10/2003	K24-ĐT3	Điện-Điện tử	2021-2025	Con người bị TNLĐ	50%	
183	16	Ngô Văn Lâm	21A120100166	17/10/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	Con người bị TNLĐ	50%	
184	17	Ngô Thu Hương	22A1701D0110	08/11/2004	K25-TĐH1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con người mắc bệnh NN	50%	
185	18	Hà Văn Tuấn	22A1201D0238	16/08/2003	K25-ĐT2	Điện-Điện tử	2022-2027	Con người bị TNLĐ	50%	
186	19	Phan Tiến Dũng	21A120100050	28/10/2003	K24-ĐT2	Điện-Điện tử	2021-2025	Con người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
187	20	Nguyễn Ngọc Tùng	22A1201D0258	24/06/2004	K25-ĐT1	Điện-Điện tử	2022-2027	Con người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới
188	21	Vũ Tiến Tài	23A1701D0191	12/09/2005	K26-TĐH1	Điện-Điện tử	2023-2028	Con người bị TNLĐ	50%	Hồ sơ mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
189	22	Lê Xuân Quyền	23A1701D0183	09/03/2005	K26-TĐH2	Điện-Điện tử	2023-2028	Con người bị TNLD	50%	Hồ sơ mới
190	23	Nguyễn Hoài Nam	24A1201D0194	13/09/2006	K27-TĐH1	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con người mắc bệnh NN	50%	Hồ sơ mới
191	24	Nguyễn Thị Minh Tâm	24A1701D0216	30/06/2006	K27-TĐH2	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con người bị TNLD	50%	Hồ sơ mới
192	25	Trần Anh Tuấn	24A1201D0275	14/08/2006	K27-ĐT1	Điện-Điện tử	2024 - 2029	Con người bị TNLD	50%	Hồ sơ mới
193	1	Hoàng Thị Thảo	21A480100067	30/04/2003	2148A01	Du lịch	2021-2025	Con bệnh binh	100%	
194	2	Lương Thùy Dương	22A4601D0048	31/10/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
195	3	Hoàng Thị Dung	21A460100069	25/06/2003	2146A02	Du lịch	2021-2025	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
196	4	Mai Thị Thu Hương	22A4601D0073	28/08/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	SV đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	100%	
197	5	Phùng Thị Lan Anh	23A4801D00019	30/08/2005	2348A02	Du lịch	2023-2027	Người khuyết tật	100%	
198	6	Ma Nhân Bắc	24A4801D0058	13/02/2006	2448A02	Du lịch	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
199	7	Giáp Thị Thảo	22A4601D0192	11/04/2004	2246A01	Du lịch	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
200	8	Nguyễn Tuyết Mai	23A4601D0136	28/09/2005	2346A01	Du lịch	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
201	9	Hà Mai Anh	22A4801D0008	04/10/2004	2248A01	Du lịch	2022-2026	Con của người bị TNLD	50%	
202	10	Nguyễn Ngọc Diệp	22A4801D0030	27/11/2004	2248A01	Du lịch	2022-2026	Con của người bị TNLD	50%	
203	11	Lê Thanh Thảo	21A460100327	05/07/2003	2146A04	Du lịch	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
204	12	Phạm Thị Khánh Linh	21A460100210	25/07/2003	2146A02	Du lịch	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
205	13	Vũ Thị Bình Chi	22A4601D0030	01/02/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
206	14	Vũ Thị Ngọc Anh	23A4601D0021	25/11/2005	2346A02	Du lịch	2023 -2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
207	1	Đinh Thúy Hường	22A7101D0139	02/02/04	K29A3	Tiếng Anh	2022-2026	Con thương binh	100%	
208	2	Nguyễn Thị Phương Thảo	24A7101D0340	05/24/06	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	Con thương binh	100%	Hồ sơ mới
209	3	Nguyễn Thị Minh Hằng	21A710100121	04/24/03	K28A7	Tiếng Anh	2021-2025	Con người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học	100%	
210	4	Hoàng Thị May	21A710100238	04/10/03	K28A6	Tiếng Anh	2021-2025	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
211	5	Ngân Trương Khánh Huyền	22A7101D0151	10/29/04	K29A1	Tiếng Anh	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
212	6	Lương Thị Huyền	22A7101D0145	04/04/03	K29A11	Tiếng Anh	2022-2026	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
213	7	Lù Anh Quân	24A7101D0312	04/05/06	K31A14	Tiếng Anh	2024-2028	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
214	8	Nguyễn Thị Thùy Dương	21A710100076	09/17/03	K28A14	Tiếng Anh	2021-2025	Mồ côi cha mẹ	100%	
215	9	Lê Thị Thùy	23A7101D0400	08/18/05	K30A8	Tiếng Anh	2023-2027	Sinh viên khuyết tật	100%	Hồ sơ mới
216	10	Hoàng Thị Hồng Chi	21A710100061	03/11/03	K28A6	Tiếng Anh	2021-2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
217	11	Lý Thị Kim Huệ	22A7101D0126	11/21/03	K29A6	Tiếng Anh	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
218	12	Nông Khánh Linh	23A7101D0271	05/29/05	K30A3	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
219	13	Nông Thị Hồng Diệp	23A7101D0119	12/27/05	K30A4	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
220	14	Trương Phan Minh Tâm	23A7101D0373	12/19/04	K30A6	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
221	15	Triệu Dung Diệp	23A7101D0118	10/07/05	K30A10	Tiếng Anh	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
222	16	Bàn Kim Anh	24A7101D0047	06/09/06	K31A4	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
223	17	Đỗ Nguyệt Minh	24A7101D0246	04/01/2006	K31A8	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
224	18	La Bích Phượng	24A7101D0309	03/02/2002	K31A8	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
225	19	Hoàng Tùng Dương	24A7101D0123	26/09/2006	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
226	20	Mai Thùy Dương	24A7101D0124	30/11/2006	K31A12	Tiếng Anh	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
227	21	Ninh Ngọc Mai	21A710100235	11/08/2003	K28A12	Tiếng Anh	2021-2025	Con của người mắc bệnh nghề nghiệp	50%	
228	22	Lương Thị Hồng Nhung	22A7101D0260	30/06/2004	K29A12	Tiếng Anh	2022-2026	Con của người bị tai nạn lao động	50%	
229	23	Hoàng Phương Trang	23A7101D0418	20/05/2003	K30A5	Tiếng Anh	2023-2027	Con của người bị tai nạn lao động	50%	
230	24	Trương Thảo Hiền	23A7101D0175	06/09/2005	K30A8	Tiếng Anh	2023-2027	Con của người bị tai nạn lao động	50%	
231	25	Phạm Ánh Ngọc	24A7101D0279	21/02/2006	K31A9	Tiếng Anh	2024-2028	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	50%	Hồ sơ mới
232	26	Nguyễn Hoàng Thái	24A7101D0328	07/16/06	K31A10	Tiếng Anh	2024-2028	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	50%	Hồ sơ mới
233	27	Phan Ánh Nguyệt	24A7101D0283	10/18/06	K31A12	Tiếng Anh	2024-2028	Con của người bị tai nạn lao động	50%	Hồ sơ mới
234	1	Lưu Thị Khánh Ly	22A7201D0163	22/01/2004	K29T5	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con liệt sỹ	100%	
235	2	Lưu Hải Yến	20A72010101	16/03/2002	K27T1	Tiếng Trung Quốc	2020- 2024	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
236	3	Vì Thị Chúc	21A720100037	03/08/2003	K28T8	Tiếng Trung Quốc	2021- 2025	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
237	4	Nông Thanh Hiền	21A720100086	15/02/2003	K28T5	Tiếng Trung Quốc	2021- 2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
238	5	Đồng Thị Hương	22A7201D0106	12/09/2003	K29T8	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
239	6	Triệu Thị Khanh	23A7201D0133	28/10/2005	K30T8	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	100%	
240	7	Đặng Như Nguyệt	23A7201D0202	01/08/2005	K30T5	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	
241	8	Nguyễn Như Quỳnh	23A7201D0213	03/07/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
242	9	La Thị Mỹ Duyên	24A7201D0064	05/08/2006	K31T3	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	100%	Hồ sơ mới
243	10	Lương Thị Yến Nhi	20A72010298	22/11/2002	K27T2	Tiếng Trung Quốc	2020- 2024	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
244	11	Chung Quế Trân	20A72010310	17/07/2002	K28T8	Tiếng Trung Quốc	2021- 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
245	12	Nguyễn Ngọc Ly	20A720100168	05/05/2003	K28T2	Tiếng Trung Quốc	2021- 2025	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
246	13	Dương Hằng Nga	22A7201D0181	22/10/2004	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
247	14	Vì Thị Liên	22A7201D0135	26/11/2004	K29T2	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
248	15	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22A7201D0267	04/11/2003	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
249	16	Lưu Thị Trà My	22A7201D0177	21/01/2003	K29T7	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
250	17	Trần Thị Linh Giang	23A7201D0072	05/06/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
251	18	Nông Thị Quỳnh Nhi	23A7201D0213	07/04/2005	K30T5	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
252	19	Nông Nguyễn Trà My	24A7201D0194	05/05/2006	K31T5	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
253	20	Lường Uyên Trang	24A7201D0317	28/05/2005	K31T1	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	Hồ sơ mới
254	21	Phạm Thanh Huyền	22A7201D0123	27/01/2004	K29T5	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người bị TNLĐ	50%	

STT	TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Lớp	Khoa/ Viện	Khóa	Đối tượng	Tỷ lệ MGHP	Ghi chú
255	22	Bùi Hà Phương Anh	21A7201000001	27/05/2003	K28T8	Tiếng Trung Quốc	2021-2025	Con của người mắc bệnh NN	50%	
256	23	Trần Thị Thu Hương	22A7201D0111	03/05/2004	K29T4	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
257	24	Bùi Ngọc Ánh	22A7201D0030	16/07/2004	K29T5	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Con của người mắc bệnh NN	50%	
258	25	Trần Thị Minh Hòa	23A7201D0105	13/12/2005	K30T4	Tiếng Trung Quốc	2023-2027	Con của người mắc bệnh NN	50%	
259	26	Nguyễn Đàm Linh	24A7201D0153	12/10/2006	K31T4	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	Hồ sơ mới
260	27	Bùi Thị Phương Thảo	24A7201D0270	07/08/2006	K31T2	Tiếng Trung Quốc	2024-2028	Con của người mắc bệnh NN	50%	Hồ sơ mới

Tổng cộng danh sách 260 sinh viên. 

